

Quận Lê Chân, ngày 07 tháng 9 năm 2024

CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

Năm: 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

Căn cứ Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các cấp, ngành, các đơn vị.

Căn cứ Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các phòng ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân các phường.

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

a) Nguồn ngân sách:

ĐVT: đồng

NGUỒN CHI NỘI DUNG	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	0	0
DỰ TOÁN GIAO (2)	3.782.775.000	120.000.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	453.465.000	430.647.000
DỰ TOÁN GIẢM CCTL (4)		
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)	4.236.240.000	550.647.000
DỰ TOÁN CHI	3.575.007.813	550.647.000
1. Tiền lương	1.970.490.832	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	137.268.000	
3. Phụ cấp lương	729.726.438	
4. Các khoản đóng góp	397.982.590	

5. Tiền thưởng		
6. Phúc lợi tập thể		
7. Chi thu nhập tăng thêm	453.465.000	
8. Thanh toán dịch vụ công cộng	91.040.140	
9. Vật tư văn phòng	2.090.000	
10. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	32.203.900	
11. Hội nghị		
12. Công tác phí	12.000.000	
13. Chi phí thuê mướn	147.740.000	
14. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công	74.750.000	
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	74.733.200	
16. Chi khác	92.869.700	330.687.000
17. Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở...		
18. Phụ cấp ưu đãi nghề (dạy học sinh khuyết tật)		
19. Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		
20. Trợ cấp Tết thành phố		
21. Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	19.880.000	219.960.000
DỰ TOÁN CÒN LẠI	0	0
CHUYỂN SANG NĂM 2025	0	0
KINH PHÍ HUỖ	0	0

c. Nguồn khác

- Tiền gửi:

TT	Danh mục	Doanh thu	Chi phí	Còn lại
1	Tiền ăn + nhiên liệu	1.435.560.000	1.487.257.334	150.456.870
2	Cấp dưỡng phí	380.500.000	387.960.581	16.671.485

3	Hỗ trợ ngoài giờ	807.107.000	801.538.288	19.251.454
4	Trang TBBT	0	17.620.000	60.000
5	Tiếng anh yếu tố nước ngoài	123.840.000	125.370.200	4.923.400
6	Học thêm thứ 7	125.000.000	128.991.000	20.035.784
7	Học hè	281.700.000	271.305.000	10.395.000
8	Dịch vụ coi xe	36.140.000	30.150.750	5.989.250

- Bảo hiểm y tế (KP CSSKBĐ)

Năm học 2023-2024 chuyển sang: 58.510 đồng

Tổng cấp năm học 2024-2025 : 12.895.200 đồng

Tổng chi: 5.200.000 đồng

2. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến 2 năm tiếp theo

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2023-2024			
1	Học phí	đồng/học sinh/ tháng	0	TP hỗ trợ theo Nghị quyết số 54/2022/NQ-HĐND Thành phố
2	Tiền ăn + CD	đồng/học sinh/ ngày	30.000	
3	Chăm sóc bán trú	đồng/học sinh/tháng	150.000	
4	Hỗ trợ đón sớm trả muộn	đồng/học sinh/ tháng	330.000	
5	Đồ dùng TB bán trú (học sinh mới)	đồng/học sinh/ năm học	360.000	
6	Đồ dùng TB bán trú (học sinh cũ)	đồng/học sinh/ năm học	200.000	
II	Năm học 2024-2025			

1	Học phí	đồng/học sinh/ tháng	0	TP hỗ trợ theo Nghị quyết số 54/2022/NQ- HĐND Thành phố
2	Tiền ăn + CD	đồng/học sinh/ ngày	30.000	
3	Chăm sóc bán trú	đồng/học sinh/tháng	150.000	
4	Hỗ trợ đón sớm trả muộn	đồng/học sinh/ tháng	330.000	
5	Đồ dùng TB bán trú (học sinh mới)	đồng/học sinh/ năm học	360.000	
6	Đồ dùng TB bán trú (học sinh cũ)	đồng/học sinh/ năm học	200.000	
III	Năm học 2025-2026			
1	Học phí	đồng/học sinh/ tháng		Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền
2	Tiền ăn + CD	đồng/học sinh/ ngày	30.000	
3	Chăm sóc bán trú	đồng/học sinh/tháng	150.000	
4	Hỗ trợ đón sớm trả muộn	đồng/học sinh/ tháng	330.000	
5	Đồ dùng TB bán trú(học sinh mới)	đồng/học sinh/ năm học	360.000	
6	Đồ dùng TB bán trú(học sinh cũ)	đồng/học sinh/ năm học	200.000	

3. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 30/9/2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	17.256	
II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	227.923.456	
III	Các khoản giảm trừ			
1	Số lượng NPT tính giảm trừ	Người	31	

2	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng	4.461.600.000	
3	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Đồng		
4	Bảo hiểm được trừ	Đồng		
IV	Thu nhập tính thuế	Đồng	3.405.681.127	

4. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024

Số TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4		6
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>		2.332.646.609	1.837.150.806	1.27%
	Tiền lương		972.921.605	798.404.581	1.22%
	Lương hợp đồng theo chế độ		100.440.000	104.687.406	0.96%
	Phụ cấp lương		543.172.011	438.349.607	1.24%
	Các khoản đóng góp		294.387.989	243.965.316	1.21%
	Tiền thưởng				
	Phúc lợi tập thể				
	Thanh toán dịch vụ công		79.711.404	67.036.196	1.19%
	Vật tư văn phòng		2.090.000	19.025.000	0.1%
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		8.052.900	3.654.000	2.20%
	Công tác phí		9.000.000	9.000.000	0%
	Chi phí thuê mướn		125.740.000	81.000.000	1.55%

	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		101.442.000	62.568.700	1.62%
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		66.374.000	9.460.000	7.01%
	Chi khác		29.314.700	0	100%
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở'...		0	0	0
2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>		330.687.000	310.387.000	1.06%

Nơi nhận:

- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu VT



TM. NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thu Thủy